



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

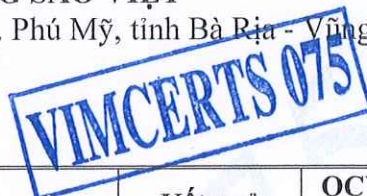
VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Bình Chánh, Tp. HCM
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
Điện thoại: 028.3620.0147
Hotline: 0902.585.140 (Mr. Thu) 0906.737.001 (Mr. Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0004466.25
MSM: VT.25.2057.NT01

Tên mẫu : Nước thải
Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SAO VIỆT
Địa điểm lấy mẫu : Lô 7, Khu xử lý tập trung Tóc Tiên, Tp. Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Số lượng : 01 mẫu
Ngày lấy mẫu : 19/05/2025
Ngày trả kết quả : 29/05/2025



TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT
				NT01	Cột B
1	Độ màu ^(#)	Pt/Co	SMEWW 2120C:2023	7	150
2	pH ^(#)	-	TCVN 6492:2011	7,12	5,5 ÷ 9
3	BOD ₅ (20°C) ^(#)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	7	50
4	COD ^(#)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	13	150
5	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(#)	mg/L	SMEWW 2540D:2023	22	100
6	Asen (As) ^(#)	mg/L	SMEWW 3114B:2023	< 0,00050	0,1
7	Chì (Pb) ^(#)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	< 0,0020	0,5
8	Cadimi (Cd) ^(#)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	< 0,00020	0,1
9	Crom VI (Cr ⁶⁺) ^(#)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023	< 0,0030	0,1
10	Kẽm (Zn) ^(#)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,037	3
11	Sắt (Fe) ^(#)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	< 0,060	5
12	Tổng dầu mỡ khoáng ^(#)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	< 1,2	10
13	Florua (F ⁻) ^(#)	mg/L	SMEWW 4500-F.B&D:2023	0,48	10
14	Tổng Nito ^(#)	mg/L	TCVN 6638:2000	3,9	40
15	Tổng Photpho (tính theo P) ^(#)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,069	6
16	Sunfat (SO ₄ ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500-SO ₄ ²⁻ .E:2023	22,8	-
17	Clorua (Cl ⁻) ^(#)	mg/L	SMEWW 4500.Cl.B:2023	41,5	1.000
18	Coliform	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B:2023	< 1,8	5.000

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- Mẫu được lưu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh;
- NT01: nước thải sau xử lý (107°7'58,98"E; 10°34'59,61"N) ;
- QCVN 40:2011/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp;
- (-): Không quy định/Không phân tích;
- ^(#): Thông số được chứng nhận Vilas.

Trưởng phòng thí nghiệm

Cao Trần Thảo Uyên

Giám đốc



Đinh Tấn Thu



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Bình Chánh, Tp. HCM
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
Điện thoại: 028.3620.0147
Hotline: 0902.585.140 (Mr. Thu) 0906.737.001 (Mr. Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0004467.25
MSM: VT.25.2057.KT01

Tên mẫu : Khí thải
Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SAO VIỆT
Địa điểm lấy mẫu : Lô 7, Khu xử lý tập trung Tóc Tiên, Tp. Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Số lượng : 01 mẫu
Ngày lấy mẫu : 19/05/2025
Ngày trả kết quả : 29/05/2025



TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 30:2012/ BTNMT
				KT01	Giá trị tối đa cho phép
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	98,5	100
2	SO ₂	mg/Nm ³	QT08-KT-TESTO	80,4	250
3	NO _x , (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	QT08-KT-TESTO	41,4	500
4	CO	mg/Nm ³	QT08-KT-TESTO	118,6	250
5	HCl	mg/Nm ³	US EPA Method 26	1,32	50
6	HF	mg/Nm ³	US EPA Method 26	< 0,15	-
7	Asen (As)	mg/Nm ³	US EPA Method 29	< 0,0010	-
8	Cadimi (Cd)	mg/Nm ³	US EPA Method 29	< 0,0075	0,16
9	Chì (Pb)	mg/Nm ³	US EPA Method 29	< 0,015	1,2
10	Thủy ngân (Hg)	mg/Nm ³	US EPA Method 29	0,0035	0,2

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- KT01: Khí thải lò đốt (2 tấn/h) (107°8'1,88"E; 10°34'57,58"N);
- QCVN 30:2012/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải công nghiệp;
- (-): Không quy định/Không phân tích.

Trưởng phòng thí nghiệm

Cao Trần Thảo Uyên



Đinh Tấn Thu



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Bình Chánh, Tp. HCM
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
Điện thoại: 028.3620.0147
Hotline: 0902.585.140 (Mr. Thu) 0906.737.001 (Mr. Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0004468.25
MSM: VT.25.2057.KT02

Tên mẫu : Khí thải
Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SAO VIỆT
Địa điểm lấy mẫu : Lô 7, Khu xử lý tập trung Tóc Tiên, Tp. Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Số lượng : 01 mẫu
Ngày lấy mẫu : 19/05/2025
Ngày trả kết quả : 29/05/2025



TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 56:2013/BTNMT
				KT02	Giá trị cho phép
1	Nhiệt độ	°C	QT06-KT-NĐ	36,2	-
2	Lưu lượng	m ³ /h	US EPA Method 2	2.298	-
3	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	23,2	150
4	SO ₂	mg/Nm ³	QT08-KT-TESTO	24,5	500
5	NO _x , (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	QT08-KT-TESTO	19,7	600
6	CO	mg/Nm ³	QT08-KT-TESTO	671,5	1.000
7	H ₂ S	mg/Nm ³	JIS K 0108:2010	< 0,14	7,5
8	Hydrocacbon (C _x H _y)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	9,41	100
	Cyclohexan	mg/Nm ³		< 0,066	-
	Cyclohexen	mg/Nm ³		< 0,066	-
	n-dodecan	mg/Nm ³		< 0,066	-
	n-heptan	mg/Nm ³		< 0,066	-
	n-hexan	mg/Nm ³		9,41	-
	Metylcyclohexan	mg/Nm ³		< 0,066	-
	n-octan	mg/Nm ³		< 0,066	-
	n-pentan	mg/Nm ³		< 0,066	-
	n-decan	mg/Nm ³		< 0,066	-
	n-nonan	mg/Nm ³		< 0,066	-
	n-undecan	mg/Nm ³		< 0,066	-

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- KT02: Ống thải tại ống khói của hệ thống tái chế nhớt (107°8'0,83"E; 10°35'0,38"N);
- QCVN 56:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tái chế dầu thải;
- (-): Không quy định/Không phân tích.

Trưởng phòng thí nghiệm

Cao Trần Thảo Uyên

Giám đốc



Đinh Tấn Thu



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Bình Chánh, Tp. HCM
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
Điện thoại: 028.3620.0147
Hotline: 0902.585.140 (Mr. Thu) 0906.737.001 (Mr. Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0004469.25
MSM: VT.25.2057.KT03

Tên mẫu : Khí thải
Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SAO VIỆT
Địa điểm lấy mẫu : Lô 7, Khu xử lý tập trung Tóc Tiên, Tp. Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Số lượng : 01 mẫu
Ngày lấy mẫu : 19/05/2025
Ngày trả kết quả : 29/05/2025



TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT
				KT03	Cột B
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	6,16	200
2	Thủy ngân (Hg)	mg/Nm ³	US EPA Method 29	< 0,0001	-

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- KT03: Hệ thống xử lý thủy ngân (107°7'59,31"E; 10°34'59,19"N);
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- (-): Không quy định/Không phân tích.

Trưởng phòng thí nghiệm

Cao Trần Thảo Uyên

Giám đốc



Đinh Tấn Thu



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Bình Chánh, Tp. HCM
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
Điện thoại: 028.3620.0147
Hotline: 0902.585.140 (Mr. Thu) 0906.737.001 (Mr. Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0004470.25
MSM: VT.25.2057.KT04

Tên mẫu : Khí thải
Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SAO VIỆT
Địa điểm lấy mẫu : Lô 7, Khu xử lý tập trung Tóc Tiên, Tp. Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Số lượng : 01 mẫu
Ngày lấy mẫu : 19/05/2025
Ngày trả kết quả : 29/05/2025

VIMCERTS 075

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT
				KT04	Cột B
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	5,07	200
2	Đồng (Cu)	mg/Nm ³	US EPA Method 29	< 0,015	10
3	Phenol ⁽¹⁾	mg/Nm ³	US EPA Method 0010 + US EPA Method 8270D	< 0,001	-

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- (1) Thông số được phân tích bởi Công ty Cổ phần Kiểm nghiệm Thực phẩm và Môi trường Navitek, Vimcerts 304;
- KT04: Hệ thống xử lý chất thải điện tử (107°8'0,94"E; 10°34'55,76"N);
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- (-): Không quy định/Không phân tích.

Trưởng phòng thí nghiệm

Cao Trần Thảo Uyên



Giám đốc

Đinh Tấn Thu



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Bình Chánh, Tp. HCM
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
Điện thoại: 028.3620.0147
Hotline: 0902.585.140 (Mr. Thu) 0906.737.001 (Mr. Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0004471.25
MSM: VT.25.2057.CT01

Tên mẫu : Chất thải rắn
Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SAO VIỆT
Địa điểm lấy mẫu : Lô 7, Khu xử lý tập trung Tóc Tiên, Tp. Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Số lượng : 01 mẫu
Ngày lấy mẫu : 19/05/2025
Ngày trả kết quả : 29/05/2025



TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 07: 2009/BTNMT
				CT01	Hàm lượng tuyệt đối Htc, T = 0,96
1	Antimon (Sb)	ppm	ASTM D5198-17 + US EPA Method 7010	5,46	19,24
2	Asen (As)	ppm	ASTM D5198-17 + US EPA Method 7010	58,4	38,48
3	Bari (Ba)	ppm	ASTM D5198-17 + US EPA Method 7010	759,8	1.924
4	Beri (Be)	ppm	ASTM D5198-17 + US EPA Method 7010	< 0,15	1,924
5	Cadmi (Cd)	ppm	ASTM D5198-17 + US EPA Method 7010	3,1	9,62
6	Chì (Pb)	ppm	ASTM D5198-17 + US EPA Method 7000B	110,1	288,6
7	Niken (Ni)	ppm	ASTM D5198-17 + US EPA Method 7000B	190,8	1.346,8
8	Selen (Se)	ppm	ASTM D5198-17 + US EPA Method 7010	< 0,15	19,24
9	Tali (Tl)	ppm	ASTM D5198-17 + US EPA Method 7010	< 0,15	134,68
10	Thủy ngân (Hg)	ppm	US EPA Method 7471B	0,36	3,848
11	Crom VI (Cr ⁶⁺)	ppm	US EPA Method 3060A + US EPA Method 7196A	< 2,00	96,2
12	Vanadi (V)	ppm	ASTM D5198-17 + US EPA Method 7010	57,6	481
13	Tổng Xyanua	ppm	US EPA Method 9013A + US EPA Method 9010C + US EPA Method 9014	< 5,00	567,58



TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 07: 2009/BTNMT
				CT01	Nồng độ ngâm chiết Ctc
1	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 1311 + US EPA Method 7010	< 0,0020	2



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Bình Chánh, Tp. HCM
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
Điện thoại: 028.3620.0147
Hotline: 0902.585.140 (Mr. Thu) 0906.737.001 (Mr. Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0004472.25
MSM: VT.25.2057.CT02

Tên mẫu : Chất thải rắn
Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SAO VIỆT
Địa điểm lấy mẫu : Lô 7, Khu xử lý tập trung Tóc Tiên, TX Phú Mỹ, Bà Rịa Vũng Tàu
Số lượng : 01 mẫu
Ngày lấy mẫu : 19/05/2025
Ngày trả kết quả : 29/05/2025



TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 07: 2009/BTNMT
				CT02	Hàm lượng tuyệt đối Htc, T = 0,94
1	Antimon (Sb)	ppm	ASTM D5198-17 + US EPA Method 7010	2,73	18,86
2	Asen (As)	ppm	ASTM D5198-17 + US EPA Method 7010	13,0	37,72
3	Bari (Ba)	ppm	ASTM D5198-17 + US EPA Method 7010	598,4	1.886
4	Bạc (Ag)	ppm	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7000B	< 1,50	94,3
5	Beri (Be)	ppm	ASTM D5198-17 + US EPA Method 7010	< 0,15	1,886
6	Cadmi (Cd)	ppm	ASTM D5198-17 + US EPA Method 7010	0,53	9,43
7	Chì (Pb)	ppm	ASTM D5198-17 + US EPA Method 7000B	71,6	282,9
8	Coban (Co)	ppm	ASTM D5198-09 + US EPA Method 7000B	26,9	1.508,8
9	Kẽm (Zn)	ppm	ASTM D5198-17 + US EPA Method 7000B	5.563	4.715
10	Molybden (Mo)	ppm	ASTM D5198-17 + US EPA Method 7010	0,59	6.601
11	Niken (Ni)	ppm	ASTM D5198-17 + US EPA Method 7000B	198,9	1.320,2
12	Selen (Se)	ppm	ASTM D5198-17 + US EPA Method 7010	< 0,15	18,86
13	Tali (Tl)	ppm	ASTM D5198-17 + US EPA Method 7010	< 0,15	132,02
14	Crom VI (Cr ⁶⁺)	ppm	US EPA Method 3060A + US EPA Method 7196A	< 2,00	94,3
15	Vanadi (V)	ppm	ASTM D5198-17 + US EPA Method 7010	69,7	471,5
16	Xyanua hoạt động	ppm	US EPA Method 9013A + US EPA Method 9010C + US EPA Method 9014	< 5,00	28,29





TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Bình Chánh, Tp. HCM
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
Điện thoại: 028.3620.0147
Hotline: 0902.585.140 (Mr. Thu) 0906.737.001 (Mr. Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn



TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 07: 2009/BTNMT
				CT02	Hàm lượng tuyệt đối Htc, T = 0,94
17	Tổng Xyanua	ppm	US EPA Method 9013A + US EPA Method 9010C + US EPA Method 9014	< 5,00	550,765

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 07: 2009/BTNMT
				CT02	Nồng độ ngâm chiết Ctc
1	Kẽm (Zn)	mg/L	US EPA Method 1311 + US EPA Method 7000B	4,33	250
2	Muối florua trừ canxi florua	mg/L	US EPA Method 1311 + SMEWW 4500-F- .B&D:2023	< 0,030	180

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- Mẫu được lưu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả;
- CT02: Chất thải sau hoá rắn (107°8'1,34"E; 10°34'58,89"N);
- QCVN 07: 2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại.

Trưởng phòng thí nghiệm

Cao Trần Thảo Uyên

Giám đốc



Đinh Tấn Thu





TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Bình Chánh, Tp. HCM
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
Điện thoại: 028.3620.0147
Hotline: 0902.585.140 (Mr. Thu) 0906.737.001 (Mr. Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0004933.25
MSM: VT.25.2057.KT04

Tên mẫu : Khí thải
Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SAO VIỆT
Địa điểm lấy mẫu : Lô 7, Khu xử lý tập trung Tóc Tiên, Tp. Phú Mỹ, Bà Rịa Vũng Tàu
Số lượng : 01 mẫu
Ngày lấy mẫu : 19/05/2025
Ngày trả kết quả : 10/06/2025



TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT
				KT04	Cột B
1	Bụi chứa silic ⁽¹⁾	mg/Nm ³	US EPA Method 5+ NIOSH Method 7603+ NIOSH Method 7602	< 0,5	50

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- (1) Thông số được phân tích bởi Công ty TNHH Tư vấn kỹ thuật, Thiết bị và Công nghệ môi trường Nguyễn Gia, Vincerts 251;
- KT04: Hệ thống xử lý chất thải điện tử (107°8'0,94"E; 10°34'55,76"N);
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- (-): Không quy định/Không phân tích.

Trưởng phòng thí nghiệm

Cao Trần Thảo Uyên

Giám đốc



Đinh Tấn Thu